

Số: 55/BC-ĐGS

Bắc Kạn, ngày 07 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 21/02/2025 của HĐND tỉnh về thành lập Đoàn giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh, Đoàn giám sát đã tổ chức giám sát trực tiếp tại 05 sở, ngành¹, 06 huyện, thành phố², 12 xã, một số HTX và giám sát thông qua việc xem xét báo cáo của UBND tỉnh và 02 huyện, thành phố³ với phạm vi giám sát là một số dự án, tiểu dự án, nội dung của chương trình Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, gồm: (1) Dự án 1 (Nội dung số 1 về hỗ trợ đất ở và Nội dung số 3 về hỗ trợ đất sản xuất); (2) Dự án 3 (Tiểu dự án 1 Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân và Tiểu dự án 2 Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi); (3) Dự án 5 (Tiểu dự án 3 Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Tiểu dự án 4 Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp); (4) Dự án 8 Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em. Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát như sau:

A. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Qua giám sát cho thấy, việc thành lập bộ máy hoạt động từ tỉnh đến cơ sở đảm bảo đầy đủ, đúng quy định. UBND tỉnh đã thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bắc Kạn; chỉ đạo thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia từ cấp tỉnh đến cơ sở. Ban Chỉ đạo các cấp đã xây dựng quy chế hoạt động, ban hành chương trình công tác hằng năm, phân công các thành viên phụ trách từng địa bàn, giao nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, tổ chức đoàn thể phụ trách, giúp đỡ các thôn; thành lập, kiện toàn Ban Phát triển thôn.

¹ 05 sở, ngành: Dân tộc và Tôn giáo; Nông nghiệp và Môi trường; Giáo dục và Đào tạo; Tài chính và Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh.

² 06 huyện: Ba Bể, Bạch Thông, Chợ Đồn, Na Rì, Ngân Sơn và Pác Nặm.

³ Huyện Chợ Mới và thành phố Bắc Kạn.

2. Công tác tổ chức thực hiện

Công tác lập kế hoạch được UBND tỉnh triển khai thực hiện, đã ban hành Kế hoạch số 760/KH-UBND ngày 28/11/2022 triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (*Sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 760 của UBND tỉnh*) và kế hoạch thực hiện hằng năm⁴. Các kế hoạch đã đề ra mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể; giao nhiệm vụ từng dự án, tiểu dự án của chương trình cho các cơ quan chuyên môn, đơn vị, địa phương phụ trách, chủ trì phối hợp thực hiện.

Việc ban hành các cơ chế, chính sách nhằm cụ thể hóa thực hiện Chương trình tại địa phương cơ bản đầy đủ, kịp thời, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành 14 nghị quyết liên quan đến việc thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia (*trong đó có 05 nghị quyết quy định thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*). Đã ban hành 11 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện (*trong đó: 06 văn bản⁵ hướng dẫn thực hiện các chương trình MTQG; 05 văn bản⁶ hướng dẫn riêng về Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN*).

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện khá đầy đủ, từ đầu giai đoạn đến nay, UBND tỉnh và các sở, ngành được giao nhiệm vụ đã tổ chức được 33 cuộc kiểm tra, giám sát⁷. Các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, giám sát đã được UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện, đến nay nhiều kiến nghị đã được xem xét, giải quyết.

⁴ UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hằng năm, gồm: Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 10/3/2023; Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 19/02/2024; Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 25/02/2025;

⁵ Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 hướng dẫn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (thay thế bằng Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 và Quyết định số 2222/QĐ-UBND ngày 13/12/2024); Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Công văn số 5253/UBND-TH ngày 11/8/2022 hướng dẫn triển khai thực hiện cơ chế lồng ghép theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh.

⁶ Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 ban hành định mức bình quân diện tích đất sản xuất để thực hiện Dự án 1 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025 (*đã thay thế bằng Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 01/11/2023*); Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 04/04/2023 việc ủy quyền phê duyệt thiết kế, dự toán các hoạt động về lâm nghiệp thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 3, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 giai đoạn I: từ năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 25/05/2023 về việc giao nhiệm vụ cho UBND các huyện xây dựng dự án về trợ cấp gạo thực hiện bảo vệ và phát triển rừng thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 3; Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 phê duyệt tài liệu đặc thù Tiểu dự án 4, thuộc Dự án 5 “Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cộng đồng và cán bộ các cấp triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN” trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 506/KH-UBND ngày 10/08/2022 thực hiện Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025.

⁷ Trong đó: UBND tỉnh tổ chức 04 cuộc, Sở Dân tộc và Tôn giáo 04 cuộc, Sở Giáo dục và Đào tạo 08 cuộc, Sở Nông nghiệp và Môi trường 12 cuộc, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh 03 cuộc, Sở Tài chính 02 cuộc.

Công tác báo cáo kết quả thực hiện định kỳ, hằng năm và đột xuất: Cơ bản các đơn vị đã chấp hành thực hiện theo quy định.

Bên cạnh những nỗ lực và kết quả nêu trên, còn một số hạn chế, tồn tại trong công tác chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện của các cấp, các ngành, địa phương như: Việc xây dựng một số chỉ tiêu trong kế hoạch của tỉnh chưa sát với thực tế (*nhu cầu của người dân về hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và diện tích rừng thuộc đối tượng hỗ trợ quản lý bảo vệ là rất lớn nhưng kế hoạch giao thấp*); có địa phương phân công Ban chỉ đạo và công chức phụ trách dự án, tiểu dự án chưa phù hợp⁸; chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong nhiệm vụ được phân công; công tác hướng dẫn còn chậm, có nội dung đến thời điểm giám sát chưa có hướng dẫn thực hiện⁹; việc tham mưu của các sở, ngành liên quan trong giải quyết những khó khăn, vướng mắc có nội dung chưa được kịp thời, đầy đủ, thiếu quyết liệt; một số địa phương, tổ chức khắc phục hạn chế sau kiểm tra giám sát của các cơ quan chuyên môn còn chậm (*có huyện chưa thực hiện các kiến nghị tại Báo cáo số 168/BC-HĐND ngày 09/10/2024 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh*).

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở và Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất)

1. Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở

Từ đầu giai đoạn đến nay, toàn tỉnh thực hiện hỗ trợ đất ở theo hình thức xen ghép cho 07 hộ/127 hộ là đồng bào dân tộc thiểu số với tổng kinh phí thực hiện là 308 triệu đồng, bằng 5,5% Kế hoạch số 760 của UBND tỉnh, bằng 100% kế hoạch đã điều chỉnh tại Công văn số 8422/UBND-VXNV ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh. Các hộ trên được hỗ trợ theo định mức 44 triệu/hộ để thực hiện tự chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở, tuy nhiên đến nay chưa được cấp GCNQSD đất, do người chuyển nhượng đất chưa được cấp GCNQSD đất, trong khi chính quyền địa phương (xã) chưa hướng dẫn cụ thể, đầy đủ quy trình thực hiện.

Do thực hiện chỉ tiêu hỗ trợ đất ở đạt thấp nên UBND tỉnh điều chỉnh chỉ tiêu từ 127 hộ xuống còn 07 hộ tại Công văn số 8422/UBND-VXNV ngày 15/11/2024 mà chưa chỉ đạo để có giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc là chưa phù hợp.

⁸ Xã Yên Phong, huyện Chợ Đồn giao nhiệm vụ tham mưu thực hiện Dự án 1 (*các nhiệm vụ chủ yếu liên quan đến lĩnh vực đất đai*) cho công chức văn hóa - xã hội trong khi chưa có sự phối hợp giữa các công chức trong việc thực hiện các nội dung liên quan của chương trình, dẫn đến tình trạng hiểu và thực hiện chính sách chưa đúng, chưa đầy đủ.

⁹ Ngày 18/7/2024, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND Ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn nhưng ngày 02/10/2024 UBND mới ban hành Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn làm ảnh hưởng đến việc phê duyệt các dự án hỗ trợ sản xuất, quá thời vụ, không kịp triển khai trong năm 2024; Chưa có hướng dẫn quy trình thực hiện hỗ trợ người dân tự ổn định chỗ ở theo hình thức xen ghép thuộc nội dung hỗ trợ đất ở, dẫn đến việc triển khai ở địa phương khó khăn và không thực hiện được.

Kết quả tiểu dự án hỗ trợ đất ở cho dân đạt thấp, nguyên nhân cơ bản là: Thứ nhất, các huyện, xã đều hiểu chưa đúng, chưa đầy đủ nội dung của tiểu dự án (các đơn vị đều phản ánh do người dân không có nhu cầu hỗ trợ đất ở và địa phương không có quỹ đất công để thực hiện hỗ trợ). Thứ hai, việc rà soát đánh giá nhu cầu ban đầu chưa sát với thực tiễn nên chỉ tiêu đưa ra cho giai đoạn thấp (127 hộ). Thứ 3, quy hoạch sử dụng đất chưa sát với thực tế, mới chỉ quy hoạch đất ở khu vực dân cư tập trung, dẫn đến khó khăn khi thực hiện hỗ trợ đất ở khu vực dân cư không tập trung. Thứ tư, công tác kiểm tra, đôn đốc của Sở Dân tộc và Tôn giáo (là cơ quan thường trực của Chương trình) chưa kịp thời phát hiện đầy đủ những khó khăn, vướng mắc của địa phương để tham mưu chỉ đạo tháo gỡ, khắc phục. Ngoài ra, còn một số nguyên nhân khách quan như đặc thù vùng núi, địa hình chia cắt, dân cư không tập trung, quỹ đất để tạo mặt bằng làm đất ở không thuận lợi; trình độ dân trí, phong tục tập quán, thu nhập của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế...

2. Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất

Theo Kế hoạch số 760/KH-UBND ngày 28/11/2022, giai đoạn 2021 - 2025, tập trung hỗ trợ đất sản xuất cho 314 hộ đồng bào dân tộc thiểu số, trong khi tại Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024, tại Biểu 7.10, số hộ nghèo không có đất sản xuất là 4.011 hộ, số hộ cận nghèo không có đất sản xuất là 1.322 hộ. Như vậy, việc xây dựng kế hoạch hỗ trợ đất sản xuất tại Quyết định số 760 của UBND tỉnh chưa sát với thực tiễn.

Quá trình thực hiện, do cách hiểu chưa đầy đủ (phải có quỹ đất công thì mới thực hiện hỗ trợ) nên chưa có địa phương nào triển khai nội dung này.

II. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

Kết quả thực hiện so với mục tiêu tại Kế hoạch số 760/KH-UBND ngày 28/11/2022 của UBND tỉnh:

- Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng phòng hộ, sản xuất: 50.962,8 ha/67.895 ha, đạt 75% kế hoạch.
- Hỗ trợ bảo vệ đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 58.928,5 ha/ 107.735 ha, đạt 55% kế hoạch.
- Hỗ trợ trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ: Thực hiện trồng được 768,5 ha/1.568 ha kế hoạch, đạt 49%.
- Trợ cấp gạo cho các hộ tham gia công tác quản lý bảo vệ rừng: 323,91 tấn/1.324 tấn, đạt 24,5% kế hoạch.

Tổng kinh phí được giao thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 3 là 277.544 triệu đồng, đã giải ngân 152.530 triệu đồng, đạt 43% kế hoạch.

Từ kết quả trên cho thấy: Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, địa phương đã quan tâm triển khai thực hiện 04/06 nội dung hoạt động của Tiểu dự án 1, Dự án 3. Tuy nhiên, cơ bản các chỉ tiêu về khoán khoán nuôi, bảo vệ rừng không đạt kế hoạch giao. Qua giám sát, các địa phương phản ánh vẫn còn nhiều diện tích rừng thuộc đối tượng hỗ trợ nhưng chưa thực hiện giao khoán khoán nuôi bảo vệ rừng (như: Na Rì 16.120ha, Bạch Thông 176,36 ha...), toàn tỉnh đến nay chưa rà soát, tổng hợp số liệu về diện tích rừng thuộc đối tượng nhưng chưa thực hiện hỗ trợ; các nội dung về hỗ trợ khoán nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung; hỗ trợ trồng rừng phòng hộ theo chương trình chưa thực hiện được.

Nguyên nhân nhiều diện tích rừng chưa thực hiện hỗ trợ giao khoán quản lý bảo vệ: Công tác chỉ đạo, định hướng, tuyên truyền chưa hiệu quả, chưa thường xuyên, dẫn đến người dân chưa nắm rõ mục tiêu của tiểu dự án và không thực hiện; còn có sự sai khác giữa hồ sơ quản lý và thực tế khi thực hiện khảo sát, thiết kế rừng; thứ ba, có trường hợp do đơn vị thiết kế bỏ sót¹⁰. Ngoài ra còn có một số nguyên nhân khác quan như: Một số diện tích rừng nhỏ lẻ, manh mún, khó thiết kế; định mức hỗ trợ thấp cho người thiết kế và hộ dân nhận khoán khoán nuôi bảo vệ chưa phù hợp với công và chi phí phải bỏ ra; người dân còn có tâm lý so sánh lợi ích trước mắt với chính sách nhận giao khoán, bảo vệ rừng; chưa tin tưởng vào khả năng tự chăm sóc theo điều kiện quy định về hỗ trợ trồng các loài cây bổ sung là cây gỗ, cây đa tác dụng, cây lâm sản ngoài gỗ đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (*trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt*) nên không đăng ký thực hiện và cơ quan quản lý nhà nước cũng chưa có giải pháp căn cơ để thực hiện hiệu quả nội dung này; văn bản triển khai hướng dẫn thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 thay đổi thường xuyên; một số quy định, hướng dẫn còn ban hành chậm, chưa thống nhất.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

2.1. Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

Trong giai đoạn 2021-2025, tổng số dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh là 303 dự án, cụ thể:

- Tổng số dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị được phê duyệt: 65 dự án; tổng kinh phí nguồn ngân sách nhà nước được phê duyệt: 82.493 triệu đồng; số đã giải ngân: 43.312 triệu đồng, đạt 52,5% kế hoạch.

- Tổng số dự án phát triển sản xuất cộng đồng được phê duyệt: 238 dự án với tổng kinh phí được phê duyệt: 97.071 triệu đồng; số đã giải ngân: 82.416 triệu đồng, đạt 84,9% kế hoạch.

Việc triển khai thực hiện các dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng đã từng bước giúp người dân thay đổi phương thức sản xuất, nâng cao giá trị, góp phần xóa đói, giảm nghèo. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

¹⁰ Xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, đơn vị tư vấn thiết kế bỏ sót hơn 50ha.

- Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ nhiều nhưng chưa hình thành các chuỗi giá trị lớn. Số dự án liên kết, dự án cộng đồng còn ít, thậm chí một số xã không có dự án cộng đồng (*chỉ có ít dự án liên kết*), gây thiệt thòi cho người dân thụ hưởng. Công tác lựa chọn, thẩm định, phê duyệt dự án chưa được xem xét kỹ lưỡng, dẫn đến một số dự án phê duyệt vượt định mức kinh tế - kỹ thuật¹¹. Quyết định phê duyệt dự án không kèm danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và nội dung được hỗ trợ; đối tượng tham gia chưa đảm bảo tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định. Nhiều dự án thực hiện không đủ chu kỳ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ảnh hưởng đến mục tiêu, hiệu quả thực hiện dự án.

- Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Đầu ra cho sản phẩm và việc duy trì, nhân rộng dự án còn gặp nhiều khó khăn, thu nhập của người dân sau khi thực hiện dự án còn hạn chế, việc thoát nghèo chưa thật sự bền vững; có dự án chưa thực hiện hết chu kỳ chăn nuôi nhưng người dân đã tự ý bán sản phẩm; việc lập dự án cộng đồng còn chậm và mất nhiều thời gian; cơ bản các xã chưa thực hiện quay vòng vốn trong dự án theo Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND tỉnh.

- Kinh phí phân bổ cho cấp xã còn chậm, không đảm bảo thời vụ cho sản xuất. Đến thời điểm giám sát, các đơn vị chưa được phân bổ kinh phí năm 2025 để thực hiện.

Nguyên nhân chủ quan: Cấp ủy, chính quyền một số địa phương cấp xã chưa nâng cao trách nhiệm trong tổ chức thực hiện dự án. Công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc của Sở Nông nghiệp và Môi trường chưa được thường xuyên. Nguyên nhân khách quan: Do ảnh hưởng của thời tiết, thiên tai, dịch bệnh, dẫn đến phải dừng thực hiện một số dự án, nhất là trong chăn nuôi. Năng lực của chủ trì liên kết, tổ nhóm, cộng đồng còn hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, như: Năng lực tổ chức, quản lý dự án còn yếu; sản xuất còn mang tính truyền thống, năng suất thấp; hiểu biết pháp luật hạn chế, còn lúng túng trong thực hiện quy định về sản xuất, kinh doanh...Người dân còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

2.2. Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý.

Tổng mức đầu tư dự án đoạn 2021-2025 là 68.089 triệu đồng (*vốn NSNN*), trong đó: Vốn đầu tư là 36.058 triệu đồng, vốn sự nghiệp và 32.841 triệu đồng. Đến thời điểm giám sát, dự án chưa triển khai thực hiện các hạng mục sử dụng nguồn vốn đầu tư công; vốn sự nghiệp giải ngân được 1.259 triệu đồng, đạt 4% kế hoạch.

¹¹ Như: (1) Dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi bò sinh sản và (2) Dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gà thịt do HTX Nhung Lũy làm chủ trì liên kết; (3) Dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi Bò sinh sản do HTX Rượu men lá Thanh Tâm làm chủ trì liên kết; (4) Dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gà thả vườn thương phẩm do HTX Bánh Chung Xanh làm chủ trì liên kết; (5) Dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi trâu sinh sản do HTX nông nghiệp Bằng Phúc làm chủ trì liên kết (6) Dự án Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trâu, bò vỗ béo do HTX Hòa Phát làm chủ trì liên kết...

Tiến độ triển khai thực hiện còn chậm và gặp nhiều khó khăn vướng mắc, đến ngày 02/02/2024, UBND tỉnh mới ban hành Quyết định số 194/QĐ-UBND phê duyệt dự án Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tại huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

2.3. Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 836/UBND-NTTNMT ngày 02/02/2024 hướng dẫn các địa phương bố trí kinh phí để triển khai thực hiện nội dung số 03. Tuy nhiên, không có đơn vị, địa phương nào đăng ký triển khai thực hiện.

III. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

1. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Công tác tổ chức thực hiện đạt khá, đã mở được 350 lớp đào tạo nghề cho hơn 12.000 học viên; hỗ trợ trực tiếp cho 399 người lao động dân tộc thiểu số đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tổ chức hơn 150 hội nghị tư vấn, tuyên truyền cho 6.000 người lao động; tổ chức 20 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho hơn 1.000 người lao động, trưởng thôn, trưởng bản... Tổng kinh phí được giao là 97.087 triệu đồng, đã giải ngân 67.076 triệu đồng, đạt 69%.

Qua giám sát tại cơ sở cho thấy: Công tác đào tạo, tập huấn hiệu quả chưa cao, chưa gần với nhu cầu thực tế địa phương; người lao động sau khi được đào tạo nghề ít có cơ hội tìm kiếm được việc làm tại các cơ sở sản xuất tập trung, các nhà máy chế biến, chủ yếu đào tạo để phục vụ sản xuất tại gia đình; chưa có sự liên kết tìm kiếm việc làm cho học viên, do đó số học viên tự tạo việc làm, phát triển sản phẩm sau học nghề còn ít, chưa đáp ứng yêu cầu. Các địa phương, đơn vị ít theo dõi, đánh giá, tư vấn cho học viên sau học nghề; việc thanh toán kinh phí hỗ trợ cho lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài gặp nhiều khó khăn.

Nguyên nhân: Công tác phối hợp giữa các đơn vị về khảo sát, điều tra, dự báo nhu cầu học nghề, tư vấn giới thiệu việc làm chưa thường xuyên, chưa bám sát với thực tế phát triển kinh tế - xã hội. Thời gian thực hiện lấy nhu cầu của người học đến khi tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng mất nhiều thời gian nên nhiều học viên thay đổi nhu cầu học nghề. Sự phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp đào tạo theo đơn đặt hàng, theo địa chỉ sử dụng của doanh nghiệp chưa chặt chẽ, dẫn đến việc đào tạo chưa phù hợp với nhu cầu. Các doanh nghiệp không cung cấp cho người học đầy đủ chứng từ, sự vào cuộc của cơ quan quản lý về nghề đối với các cơ sở xuất khẩu lao động chưa thật sự quyết liệt, nên các học viên không được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo quy định. Ngoài ra, còn có một số nguyên nhân khác quan khác, như: Các ngành nghề có nhu cầu không tập trung, không đủ số lượng để mở lớp, một số ít người lao động không có nhu cầu học nghề; thời gian đào tạo nghề ngắn (*dưới 03 tháng*) và kinh phí hỗ trợ còn thấp so với thực tế (*30.000đ/người/ngày*); văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác đào tạo nghề chưa kịp thời, gây khó khăn

trong công tác đào tạo nghề ở địa phương (*năm 2024 chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về định mức chi phí đào tạo nghề*); một số lao động tham gia học nghề chưa xác định đúng đắn động cơ học tập nên chất lượng và hiệu quả trong việc tiếp thu những kiến thức khoa học chưa cao. Học viên chủ yếu là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn còn hạn chế nên khó khăn cho công tác quản lý và truyền đạt kiến thức của giáo viên.

2. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

Đối với nhóm cộng đồng: Các huyện, thành phố tổ chức mở được 99 lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho 7.192 người. Đối với nhóm cán bộ triển khai chương trình, đã tổ chức được cho 1.219 học viên....Tổ chức 13 chuyên học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh với 503 đại biểu tham gia. Tổng kinh phí được giao 33.516 triệu đồng, đã giải ngân 10.853 triệu đồng, đạt 32%.

Tuy nhiên, chưa nâng cao năng lực chuyên sâu phù hợp với điều kiện, đặc điểm của các nhóm địa bàn; chưa thực hiện hỗ trợ chuyển đổi số và nâng cao khả năng học tập, chia sẻ kinh nghiệm trực tuyến cho cán bộ triển khai thực hiện; tài liệu học tập Ủy ban Dân tộc ban hành chậm (*đến cuối năm 2023, Ủy ban Dân tộc mới ban hành bộ tài liệu gửi các địa phương*).

Về tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng liên quan đến hoạt động đấu thầu: Việc triển khai còn chậm, số lượng mở lớp còn hạn chế, do giai đoạn 2022-2024, Luật Đấu thầu, Nghị định, các Thông tư hướng dẫn thực hiện đấu thầu mới có hiệu lực, đội ngũ cán bộ tham mưu triển khai công tác đào tạo bồi dưỡng còn lúng túng. Năng lực của các tổ nhóm cộng đồng, của cán bộ triển khai thực hiện ở cơ sở chưa cao.

IV. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

Hội LHPN tỉnh xây dựng kế hoạch và thực hiện, các cấp hội tổ chức các hoạt động tập huấn, giáo dục; Hội LHPN các cấp đã tổ chức được 175 hội thảo, hội thi, liên hoan tìm hiểu kiến thức Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; đã ra mắt và duy trì hoạt động 40/40 mô hình “*Địa chỉ tin cậy*”, tổ chức 14 tập huấn nâng cao năng lực cho Ban quản lý mô hình, hướng dẫn xây dựng mô hình “*Địa chỉ tin cậy*” với 1.053 đại biểu tham gia. Thành lập và duy trì hoạt động của 74/74 Câu lạc bộ thủ lĩnh của sự thay đổi, Hội LHPN các cấp đã phối hợp với ngành Giáo dục tổ chức tổ chức được 92 hoạt động cho 8.595 học sinh, thầy cô giáo tham dự. Tổ chức được 181/181 cuộc đối thoại...Tổng nguồn vốn được giao 61.003 triệu đồng; đã giải ngân 37.035 đồng, đạt 61%.

Qua giám sát cho thấy, kinh phí được giao thực hiện của dự án phần lớn chỉ chi các lớp tập huấn, các hội nghị tuyên truyền, truyền thông, đối thoại chính sách. Hoạt động hỗ trợ phụ nữ DTTS xây dựng mô hình sinh kế, phát triển kinh tế, đặc biệt là sinh kế gắn với ứng dụng khoa học công nghệ còn gặp nhiều khó khăn, do trình độ dân trí thấp, người dân quen với tập quán nhỏ lẻ, manh mún, chưa mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất...Kinh phí hỗ trợ duy trì vận hành, duy trì hoạt động Câu lạc bộ thủ lĩnh của sự thay đổi và các Tổ truyền thông cộng đồng

cả giai đoạn 03 triệu đồng/mô hình là chưa phù hợp với thực tiễn, do các mô hình, tổ đều được thành lập tại các trường học, thôn thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn cần nhiều nguồn lực để hỗ trợ.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số nơi chưa thực sự quyết liệt, chưa chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao, lúng túng trong quá trình thực hiện; một số mô hình Tổ truyền thông cộng đồng hoạt động chưa hiệu quả do một số thành viên tổ chưa có kỹ năng tuyên truyền. Một số đơn vị chậm triển khai nên một số chỉ tiêu chưa đạt theo kế hoạch.

Vấn bản hướng dẫn một số hoạt động còn chung chung nên quá trình tổ chức thực hiện còn lúng túng, nhiều nội dung chi phức tạp, vượt quá khả năng của Hội, như hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất kinh doanh cho HTX, Tổ hợp tác do phụ nữ làm chủ, cần phải hợp đồng thuê tư vấn, thiết kế... trong khi năng lực của Giám đốc HTX, Tổ hợp tác còn rất hạn chế, dẫn đến khó khăn trong triển khai thực hiện nội dung này.

(Chi tiết kết quả giải ngân và chỉ tiêu của một số dự án, tiểu dự án, nội của Chương trình theo biểu số 01 và 02 đính kèm).

C. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Việc triển khai Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 đã mang lại những kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số; hạ tầng thiết yếu vùng sâu, vùng xa được đầu tư đồng bộ, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân. Công tác hỗ trợ sản xuất, chuyển giao kỹ thuật bước đầu phát huy hiệu quả, giúp người dân nâng cao năng lực tự chủ trong phát triển kinh tế. Sự tham gia của người dân vào quá trình triển khai thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em tạo sự đồng thuận cao trong cộng đồng.

Trong giai đoạn tiếp theo, để thực hiện Chương trình có hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn, giúp đồng bào dân tộc thiểu số tận dụng tối đa tiềm năng về đất đai, điều kiện tự nhiên, khí hậu, kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất, nâng cao năng lực tự chủ, phát triển kinh tế bền vững và cải thiện đời sống lâu dài, Đoàn giám sát kiến nghị như sau:

1. Đối với Đoàn ĐBQH tỉnh

Tiếp tục theo dõi các kiến nghị, đề xuất của tỉnh Bắc Kạn trong triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa được các Bộ, ngành Trung ương trả lời để kiến nghị giải quyết, tạo thuận lợi cho địa phương tổ chức thực hiện đảm bảo phù hợp, hiệu quả.

2. Đối với UBND tỉnh

Tập trung chỉ đạo:

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025. Khắc phục các hạn chế đã được chỉ ra tại các báo cáo của các đơn vị kiểm tra, giám sát; nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát của các cơ quan đơn vị; công tác phối hợp giữa các ngành và địa phương.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của từng giai đoạn cho phù hợp, trong đó cần lưu ý đến quy hoạch sử dụng đất ở của khu vực nông thôn, nhất là khu vực các hộ dân sinh sống ổn định từ lâu, đã làm nhà trên đất chưa có trong quy hoạch đất ở; thực hiện công tác chỉnh lý biến động đất đai, kế hoạch sử dụng đất hằng năm sát với thực tế và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất; rà soát, đánh giá lại thực trạng số hộ dân trên địa bàn tỉnh còn thiếu đất ở, đất sản xuất để có giải pháp hỗ trợ giúp người dân ổn định cuộc sống vươn lên thoát nghèo.

- Rà soát diện tích rừng thuộc đối tượng hỗ trợ tại Tiểu dự án 1, Dự án 3 nhưng chưa thực hiện để có giải pháp tổ chức thực hiện. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân tham gia khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung để người dân có thu nhập và quản lý bảo vệ rừng tự nhiên bền vững.

- Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị kiểm tra, rà soát lại việc tổ chức thực hiện toàn bộ các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3 trên địa bàn tỉnh để có phương án điều chỉnh dự án đảm bảo đúng quy định. Xem xét, xử lý, thu hồi kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ không đúng quy định (nếu có).

- Các đơn vị, địa phương nâng cao tinh thần trách nhiệm trong tổ chức thực hiện Chương trình, gắn việc thực hiện, giải ngân nguồn vốn với việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hằng năm, công tác thi đua, khen thưởng.

3. Đối với Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Tham mưu cho UBND tỉnh: Chỉ đạo khẩn trương rà soát nhu cầu đất ở, đất sản xuất của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chủ trì phối hợp tham mưu hướng dẫn quy trình thực hiện chính sách hỗ trợ đảm bảo theo đúng quy định.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc các địa phương trong quá trình thực hiện.

4. Đối với Sở Tài chính

- Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện thu hồi một phần vốn của các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng để quy vòng dự án theo đúng quy định tại Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện; chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân và thanh, quyết toán nguồn kinh phí đảm bảo đúng quy định.

5. Đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Hướng dẫn địa phương trong công tác lập quy hoạch sử dụng đất để giải quyết tình trạng người dân làm nhà trên đất không phải là đất ở; hướng dẫn người dân thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện nội dung hỗ trợ nhà ở và chính sách xóa nhà tạm, nhà dột nát... Tăng cường công tác tuyên truyền và hướng dẫn chi tiết địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 HĐND tỉnh quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Chỉ đạo các địa phương tích cực tuyên truyền, thực hiện có hiệu quả nội dung “*khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung*” tại tiểu dự án 1, Dự án 3 để người dân vừa đảm bảo phát triển kinh tế rừng bền vững, vừa không vi phạm pháp luật. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng chặt chẽ.

- Hướng dẫn, tập huấn nâng cao năng lực cho các chủ trì liên kết, tổ nhóm cộng đồng; hỗ trợ xây dựng mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật và kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm; kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

6. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

- Nghiên cứu đào tạo nghề phải đáp ứng được tiêu chuẩn theo yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động (*cả lao động trong và lao động làm việc tại nước ngoài*). Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh phù hợp với đặc thù vùng DTTS và miền núi. Xây dựng tài liệu, học liệu đào tạo phù hợp với trình độ, văn hóa, ngôn ngữ của đồng bào dân tộc thiểu số, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp cận và tiếp thu kiến thức hiệu quả hơn. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động liên kết đào tạo, sử dụng chứng chỉ sau đào tạo; đánh giá hiệu quả thực chất của các chương trình tập huấn, đào tạo nghề do các đơn vị thuộc ngành giáo dục triển khai.

- Xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục nghề nghiệp đảm bảo phù hợp với đặc điểm từng nhóm địa bàn, từng nhóm đối tượng (*vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số...*). Triển khai công tác chuyển đổi số trong đào tạo, tập huấn, như thiết lập nền tảng học trực tuyến, thư viện tài liệu số, công cụ chia sẻ kinh nghiệm cho cán bộ triển khai Chương trình.

7. Đối với Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh

- Tổ chức sơ kết, tổng kết để tìm ra các mô hình hiệu quả, chia sẻ kinh nghiệm giữa các địa phương để nhân rộng cách làm hay.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, hỗ trợ chuyên môn đối với hoạt động của các mô hình, tổ truyền thông nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn và nâng cao hiệu quả hoạt động.

8. Đối với UBND các huyện, thành phố

Tiếp tục kiểm tra, rà soát lại toàn bộ các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3 trên địa bàn huyện để xem xét, điều chỉnh dự án đảm bảo đúng quy định. Xem xét xử lý, thu hồi kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ không đúng quy định (nếu có).

9. Đối với HĐND, UBND cấp xã

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân đăng ký tham gia khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung để người dân có thu nhập và quản lý bảo vệ rừng tự nhiên bền vững.

- Rà soát lại toàn bộ các dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị được giao làm chủ đầu tư, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 3 trên địa bàn để xem xét, điều chỉnh dự án đảm bảo đúng quy định. Xem xét xử lý, thu hồi kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ không đúng quy định (nếu có), có biện pháp xử lý nghiêm đối với hộ dân tự ý bán sản phẩm của dự án đang trong chu kỳ thực hiện. Thực hiện thu hồi một phần vốn của các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng để quay vòng dự án theo đúng quy định tại Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng phải đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật.

- Tiếp tục tăng cường công tác giám sát việc thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, nhằm kịp thời hướng dẫn, phát hiện và kiến nghị các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh của Đoàn giám sát HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các sở, ngành: Dân tộc và Tôn giáo;
- Nông nghiệp và Môi trường;
- Giáo dục và Đào tạo; Tài chính;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã trên địa bàn tỉnh;
- Phòng CTQH, CTHĐND;
- Lưu: VT, HS.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN**



PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Trần Thị Lộc

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỪ
NĂM 2021 ĐẾN HẾT THÁNG 02/2025

(Kèm theo Báo cáo số 55 /BC-HĐND ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

ĐVT: Triệu đồng

STT	DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN	PHÂN BỐ VỐN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025			KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 (đến hết tháng 02/2025)			SO SÁNH TỶ LỆ (%)			Ghi chú
		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:		
			ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	SỰ NGHIỆP		ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	SỰ NGHIỆP		ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	SỰ NGHIỆP	
	A	I=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3	10
	TỔNG CỘNG (I+II+...+IV)	683.779	11.026	672.753	411.793	308	411.485	60%	2,79%	61%	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	308	308	0	308	308	0	100%	100,00%		
1	Nội dung dung 1+2: Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất	308	308	0	308	308	0	100%	100,00%		
-	Huyện Chợ Mới			0	0	0	0				
-	Huyện Chợ Đồn			0	0	0	0				
-	Huyện Ngân Sơn	308	308	0	308	308	0	100%	100,00%		
-	Huyện Bạch Thông				0	0	0				
-	Huyện Na Rì				0	0	0				
-	Huyện Pác Nặm				0	0	0				
-	Huyện Ba Bể				0	0	0				
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	491.866	10.718	481.148	296.006	0	296.006	60%	0,00%	62%	
1	Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	277.544	0	277.544	119.579	0	152.530	43%		55%	
-	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bắc Kạn	1.885	0	1.885	1.406	0	1.406	75%		75%	
-	Huyện Chợ Mới	34.734	0	34.734	7.016	0	25.607	20%		74%	

STT	DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN	PHÂN BỐ VỐN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025			KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 (đến hết tháng 02/2025)			SO SÁNH TỶ LỆ (%)			Ghi chú
		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:		
			ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	SỰ NGHIỆP		ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	SỰ NGHIỆP		ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	SỰ NGHIỆP	
	A	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3	10
-	Huyện Chợ Đồn	23.450	0	23.450	9.448	0	16.211	40%		69%	
-	Huyện Ngân Sơn	54.723	0	54.723	29.861	0	32.572	55%		60%	
-	Huyện Bạch Thông	25.381	0	25.381	22.476	0	22.476	89%		89%	
-	Huyện Na rì	49.685	0	49.685	17.500	0	17.500	35%		35%	
-	Huyện Pác Nặm	52.068	0	52.068	20.832	0	22.817	40%		44%	
-	Huyện Ba Bể	35.617	0	35.617	11.039	0	13.939	31%		39%	
-	Thành phố Bắc Kạn	0	0	0	0	0	0				
2	Tiểu Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	214.322	10.718	203.604	141.218	0	143.476	66%	0,00%	70%	
-	Sở Nông Nghiệp và Môi trường	33.125	10.718	22.407	1.259	0	1.259	4%		6%	
-	Huyện Chợ Mới	35.324	0	35.324	17.240	0	17.369	49%		49%	
-	Huyện Chợ Đồn	33.986	0	33.986	13.303	0	21.395	39%		63%	
-	Huyện Ngân Sơn	22.119	0	22.119	23.056	0	23.031	104%		104%	
-	Huyện Bạch Thông	27.047	0	27.047	20.271	0	20.271	75%		75%	
-	Huyện Na rì	19.795	0	19.795	20.520	0	20.979	104%		106%	
-	Huyện Pác Nặm	16.561	0	16.561	24.990	0	25.018	151%		151%	
-	Huyện Ba Bể	26.365	0	26.365	12.488	0	14.155	47%		54%	
-	Thành phố Bắc Kạn	0	0	0	0	0	0				
III	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	130.603	0	130.603	77.929	0	77.929	60%		60%	

STT	DỰ ÁN, TIỂU DỰ ÁN	PHÂN BỐ VỐN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025			KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 (đến hết tháng 02/2025)			SO SÁNH TỶ LỆ (%)			Ghi chú
		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:		
			ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	SỰ NGHIỆP		ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	SỰ NGHIỆP		ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	SỰ NGHIỆP	
	A	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3	10
I	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	97.087	0	97.087	67.076	0	67.076	69%		69%	
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	2.468	0	2.468	2.460	0	2.383	100%		97%	
-	Huyện Chợ Mới	10.462	0	10.462	6.642	0	6.323	63%		60%	
-	Huyện Chợ Đồn	12.030	0	12.030	8.469	0	11.011	70%		92%	
-	Huyện Ngân Sơn	12.033	0	12.033	9.550	0	9.550	79%		79%	
-	Huyện Bạch Thông	12.031	0	12.031	4.405	0	8.298	37%		69%	
-	Huyện Na rì	12.030	0	12.030	9.490	0	9.479	79%		79%	
-	Huyện Pác Nặm	12.033	0	12.033	7.612	0	7.612	63%		63%	
-	Huyện Ba Bể	12.030	0	12.030	8.501	0	8.690	71%		72%	
-	Thành phố Bắc Kạn	11.970	0	11.970	3.730	0	3.730	31%		31%	
2	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.	33.516	0	33.516	10.853	0	10.853	32%		32%	
-	Sở Dân tộc và Tôn giáo	1.813	0	1.813	1.779	0	1.780	98%		98%	
-	Huyện Chợ Mới	2.385	0	2.385	86	0	86	4%		4%	
-	Huyện Chợ Đồn	5.223	0	5.223	2.401	0	2.455	46%		47%	
-	Huyện Ngân Sơn	4.205	0	4.205	893	0	893	21%		21%	
-	Huyện Bạch Thông	3.160	0	3.160	422	0	422	13%		13%	
-	Huyện Na rì	6.793	0	6.793	1.754	0	1.141	26%		17%	
-	Huyện Pác Nặm	4.622	0	4.622	1.754	0	1.754	38%		38%	
-	Huyện Ba Bể	5.269	0	5.269	1.509	0	2.279	29%		43%	
-	Thành phố Bắc Kạn	46	0	46	42	0	42	92%		92%	
IV	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	61.003	0	61.003	37.550	0	37.550	62%		62%	
-	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	7.433	0	7.433	4.486	0	4.486	60%		60%	

STT	DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN	PHÂN BỐ VỐN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025			KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 (đến hết tháng 02/2025)			SO SÁNH TỶ LỆ (%)			Ghi chú
		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ:		
			ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	SỰ NGHIỆP		ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	SỰ NGHIỆP		ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	SỰ NGHIỆP	
	A	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3	10
-	Huyện Chợ Mới	6.680	0	6.680	4.568	0	4.568	68%		68%	
-	Huyện Chợ Đồn	7.906	0	7.906	4.617	0	4.617	58%		58%	
-	Huyện Ngân Sơn	6.270	0	6.270	3.971	0	3.971	63%		63%	
-	Huyện Bạch Thông	6.816	0	6.816	4.825	0	4.825	71%		71%	
-	Huyện Na rì	10.493	0	10.493	6.067	0	6.067	58%		58%	
-	Huyện Pác Nặm	6.817	0	6.817	4.264	0	4.264	63%		63%	
-	Huyện Ba Bể	8.451	0	8.451	4.616	0	4.616	55%		55%	
-	Thành phố Bắc Kạn	137	0	137	136	0	136	99%		99%	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Báo cáo số 55/BC-HĐND ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

TT	MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH GIAO GD 2021 - 2025	KẾT QUẢ THỰC HIỆN				TRONG ĐÓ:											ĐÁNH GIÁ (Vượt/Đạt/không đạt kế hoạch)	
				THỜI ĐIỂM BÁO CÁO (đến hết tháng 02/2025)		DỰ KIẾN KẾT THÚC GIAI ĐOẠN (31/12/2025)		NĂM 2022			NĂM 2023			NĂM 2024			NĂM 2025			
				Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Thực hiện		Tỷ lệ (%)
	A	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt																			
1	Nội dung dung 1: Hỗ trợ đất ở																			
-	Mục tiêu, chỉ tiêu: Thực hiện hỗ trợ chỗ ở cho người dân theo hình thức xen ghép hoặc các hộ tự chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Hộ	127	7	5,5%	33,0	26%	4	2	50%	5	5	100%							Không đạt
2	Nội dung dung 2: Hỗ trợ đất sản xuất																			
-	Mục tiêu, chỉ tiêu: Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất (Na Ri có kế hoạch nhưng không thực hiện được)	Hộ	314	0																Không đạt
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị																			
1	Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân																			
-	Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng Nhà nước giao cho BQL rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế; diện tích rừng tự nhiên do UBND cấp xã trực tiếp quản lý	Ha	67.895,0	50.962,8	75%	49.274,3	73%	32.786,5	32.786,5	100%	67.895,0	50.006,3	74%	68.109,0	50.962,8	75%	49.274,26	49.274,26	100%	Không đạt
-	Hỗ trợ bảo vệ rừng đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình	Ha	107.735,0	58.928,5	55%	61.304,4	57%		22.560,37		107.735,0	58.054,21	54%	96.799,0	58.928,5	61%	61.304,4	61.304,4	100%	Không đạt
-	Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung	Ha	9.664,0	0,0		0,0	0%	0,0	0,0		0,0	0,0		0,0	0,0		0,0	0,0		Không thực hiện
-	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ đối với diện tích đất được quy hoạch phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình	Ha	1.568,0	768,5	49%	1.283,5	82%				378,6	364,79	96%	782,2	403,7	52%	515	515	100%	Không đạt
-	Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ đối với diện tích đất được quy hoạch trồng rừng phòng hộ đã giao cho hộ gia đình	ha	62,0	0,0		0,0	0%													Không thực hiện
-	Trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào DTTS tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển LSNG, trồng rừng phòng hộ.			0,0		0,0														
+	Tổng khối lượng gạo trợ cấp	kg	1.324.000	323.915,50	24%	1.324.000,0	100%								323.915,5		1.000.084,5	1.000.084,5	100%	Chưa đạt
+	Số hộ gia đình nghèo, hộ gia đình DTTS được nhận trợ cấp gạo	Hộ		2.036,0		4.184,0								2.036,0	2.036,0		2.148,0	2.036,0	95%	

TT	MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH GIAO GD 2021 - 2025	KẾT QUẢ THỰC HIỆN				TRONG ĐÓ:												ĐÁNH GIÁ (Vượt/đạt/không đạt kế hoạch)
				THỜI ĐIỂM BÁO CÁO (đến hết tháng 02/2025)		DỰ KIẾN KẾT THÚC GIAI ĐOẠN (31/12/2025)		NĂM 2022			NĂM 2023			NĂM 2024			NĂM 2025			
				Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	
-	Tổng diện tích bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển LSNG, trồng rừng phòng hộ bởi hộ nhận trợ cấp gạo	Ha		11.355,4		22.521,7								11.355,4	11.355,4		11.166,3	10.515,0	94%	
2	Tiểu Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi																			
-	Hỗ trợ sản xuất theo chuỗi giá trị																			
-	Đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý																			
-	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư																			
III	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực																			
1	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi																			
-	Nội dung số 01: Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, đặt hàng đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào DTTS và miền núi gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo																			
-	Nội dung số 02: Hỗ trợ đào tạo nghề	Người	8.000,0	12.000	150%										12.000					Không giao chỉ tiêu đánh giá
-	Nội dung số 03: Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào DTTS học nghề, học ngoại ngữ để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng (Tổ chức đào tạo miễn phí tiếng Hàn Quốc)	Người	399,0	399,0	100%										399,0					Không giao chỉ tiêu đánh giá
-	hỗ trợ trực tiếp cho người lao động dân tộc thiểu số đi làm việc ở nước ngoài	Người	399,0	399,0	100%										399,0					Không giao chỉ tiêu đánh giá
-	hội nghị tư vấn, tuyên truyền	Người	6.000,0	6.000,0											6.000,0					Không giao chỉ tiêu đánh giá
-	tổ chức 02 lớp đào tạo Tiếng Hàn Quốc	Người	146,0	146,0											146,0					Không giao chỉ tiêu đánh giá
-	Nội dung số 04: Chuẩn hóa kỹ năng lao động và kết nối hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người DTTS	Người	4.500,0	3.425,0	76%	4.500,0	1,0	600,0	700,0	117%	1.000,0	1.016,0	102%	1.000,0	1.062,0	106%	1.000,0	1.075,0	108%	Không giao chỉ tiêu đánh giá
-	Nội dung số 05: Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở GDNN vùng DTTS&MN (Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề)	Người	44,0	44,0							44	44	100%							Không giao chỉ tiêu đánh giá
-	Nội dung số 06: Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; Kiểm tra, giám sát đánh giá; xây dựng bộ chỉ số (KPI) và xây dựng phương pháp, cơ chế giám sát, đánh giá và đề xuất điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án	Người	> 1.000	> 1.000											>1000					Không giao chỉ tiêu đánh giá
2	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp																			
-	Đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cộng đồng	Người	10.042	7.192	72%						3.687	1.858	50%	6.355,0	5.334,0	84%				Không giao chỉ tiêu đánh giá

TT	MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH GIAO GD 2021 - 2025	KẾT QUẢ THỰC HIỆN				TRONG ĐÓ:												ĐÁNH GIÁ (Vượt/đạt/không đạt kế hoạch)	
				THỜI ĐIỂM BÁO CÁO (đến hết tháng 02/2025)		DỰ KIẾN KẾT THÚC GIAI ĐOẠN (31/12/2025)		NĂM 2022			NĂM 2023			NĂM 2024			NĂM 2025				
				Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)		
-	Đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ	Người	1.347	1.200	89%							751	628	84%	596,0	572,0	96%				Không giao chỉ tiêu đánh giá
-	Học tập trao đổi kinh nghiệm	Người	529	503	95%							310	302	97%	219,0	201,0	92%				Không giao chỉ tiêu đánh giá
IV	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em																				
-	Thành lập tổ TTCD	Tổ	380	381	100%	381	100%	130	37	28,46%	310	312	101%	32	32	100%					Vượt
-	Củng cố, nâng cao chất lượng/thành lập mới tổ TKVVTB							66													Dùng
-	Thi điểm tổ TKVVTB áp dụng phương pháp học tập và hành động giới	Tổ																			Dùng
-	Tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác do phụ nữ làm chủ/đồng làm chủ ứng dụng công nghệ 4.0	Tổ	21	11	52%	11	52%				12		0%	8	8	100%					Không đạt
-	Củng cố, nâng cao chất lượng/thành lập mới địa chỉ tin cậy cộng đồng	Địa chỉ tin cậy CD	40	40	100%	40	100%	6			40	39,0	98%	1	1	100%					Đạt
-	Tập huấn hướng dẫn giám sát và bình đẳng giới trong chương trình MTQGDTS	Lớp	25	25	100%	25	100%	2	2	100%	23	23	100%	0	0						Đạt
-	Đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản	Cuộc	181	181	100%	181	100%				108	102	94%	79	79	100%					Đạt
-	Thành lập CLB thủ lĩnh của sự thay đổi	CLB	74	74	100%	74	100%				65	62	95%	12	12	100%					Đạt
-	Tập huấn nâng cao năng lực cán bộ nữ dân tộc thiểu số cấp huyện, cấp xã đưa vào quy hoạch HĐND các cấp	Đại biểu	50	95	190%	95	190%				50	47	94%	50	48	96%					Vượt
-	Tập huấn lồng ghép giới (chương trình 2)	Lớp	20	18	90%	18	90%				15	14	93%	6	4	67%					Không đạt
-	Tập huấn LGG (chương trình 3) cho cán bộ thôn, bản	Lớp	60	56	93%	56	93%	10	5	50%	33	33	100%	30	20	67%					Không đạt